

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số : **126**/CĐGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
lần 3 năm 2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoà Bình, ngày **31** tháng **5** năm 2017

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình tính đến trước ngày 30/5/2017, Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình cấp 0,94 kinh phí hoạt động công đoàn lần 3 năm 2017 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí về tài khoản của Công đoàn ngành với số tiền được cấp trên 2 triệu đồng tính đến hết ngày 30/5/2017 (Có danh sách kèm theo).

Các công đoàn cơ sở được cấp kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại thường trực Công đoàn ngành từ ngày 02/6/2017 (Liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854 502).

2. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo số kinh phí được cấp và kinh phí phải trừ 10% theo Nghị quyết 9C/NQ-BCH (Có danh sách kèm theo) để công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc theo dõi, tổng hợp và đưa vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2017 của đơn vị.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGD Hoà Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
BCHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC
HOÀ BÌNH**

Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH LẦN 3/2017

STT	Tên đơn vị	KP 2% CĐCS nộp (từ 20/4/2017 đến hết 30/5/2017)	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CĐCS theo số thực thu (0,94)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CĐCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ-BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ-BCH
I	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa	-	-	-			
2	Trường THPT Đại Đồng	13.301.200	6.650.600	6.250.000	3.870.180	9.030.420	900.000
3	Trường THPT Quyết Thắng	-	-	-			
4	Trường THPT Lạc Sơn	5.146.000	2.573.000	2.420.000	1.497.900	3.495.100	350.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	-	-	-			
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	-	-	-			
7	Trường THPT Thạch Yên	5.172.890	2.586.445	2.430.000	1.504.934	3.511.512	350.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	6.563.934	3.281.967	3.090.000	1.911.590	4.460.377	450.000
9	Trường THPT Cao Phong	4.662.248	2.331.124				
10	Trường THPT Kỳ Sơn	-	-	-			
11	Trường THPT Phú Cường	2.892.300	1.446.150				
12	Trường THPT Lương Sơn	5.274.823	2.637.412	2.480.000	1.535.223	3.582.188	360.000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	-	-	-			
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	6.425.094	3.212.547	3.020.000	1.869.764	4.362.783	440.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan	-	-	-			
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	-	-	-			
17	Trường THPT Lạc Thủy B	13.688.500	6.844.250	6.430.000	3.982.275	9.291.975	930.000
18	Trường THPT Lạc Thủy	9.838.400	4.919.200	4.620.000	2.861.760	6.677.440	670.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	10.248.724	5.124.362	4.820.000	2.983.309	6.961.053	700.000
20	Trường THPT Mai Châu	10.958.100	5.479.050	5.150.000	3.188.715	7.440.335	740.000
21	Trường THPT Mai Châu B	2.488.700	1.244.350				
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	-	-	-			
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	7.758.000	3.879.000	3.650.000	2.258.700	5.270.300	530.000
24	Trường THPT Yên Thủy C	-	-	-			
25	Trường THPT Yên Thủy A	16.165.000	8.082.500	7.600.000	4.704.750	10.977.750	1.100.000
26	Trường THPT Yên Thủy B	8.449.612	4.224.806	3.970.000	2.458.442	5.736.364	570.000
27	Trường THPT Thanh Hà	3.527.600	1.763.800				
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy	7.192.400	3.596.200	3.380.000	2.092.860	4.883.340	490.000
29	Trường THPT 19/5	5.988.000	2.994.000	2.810.000	1.741.200	4.062.800	410.000

30	Trường THPT Kim Bôi	28.589.800	14.294.900	13.440.000	8.320.470	19.414.430	1.940.000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	8.905.000	4.452.500	4.190.000	2.592.750	6.049.750	600.000
32	Trường THPT Sào Báy	8.385.170	4.192.585	3.940.000	2.439.776	5.692.810	570.000
33	Trường THPT Bắc Sơn	5.064.000	2.532.000	2.380.000	1.473.600	3.438.400	340.000
34	Trường THPT Mường Chiềng	7.393.000	3.696.500	3.470.000	2.149.950	5.016.550	500.000
35	Trường THPT Yên Hoà	3.734.000	1.867.000				
36	Trường THPT Đà Bắc	3.956.000	1.978.000				
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	4.124.000	2.062.000				
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	-	-				
39	Trường THPT Đoàn Kết	7.305.100	3.652.550	3.430.000	2.124.765	4.957.785	500.000
40	Trường THPT Tân Lạc	5.018.600	2.509.300	2.360.000	1.460.790	3.408.510	340.000
41	Trường THPT Mường Bi	8.085.100	4.042.550	3.800.000	2.352.765	5.489.785	550.000
42	Trường THPT Lũng Vân	5.053.100	2.526.550	2.370.000	1.468.965	3.427.585	340.000
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc	-	-	-			
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	7.814.973	3.907.487	3.670.000	2.273.246	5.304.241	530.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	12.638.600	6.319.300	5.940.000	3.677.790	8.581.510	860.000
46	Trường THPT Công nghiệp	-	-	-			
47	Trường THPT Lạc Long Quân	5.542.700	2.771.350	2.610.000	1.614.405	3.766.945	380.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	6.810.081	3.405.041	3.200.000	1.981.512	4.623.528	460.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	12.615.500	6.307.750	5.930.000	3.671.325	8.566.425	860.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	-	-	-			
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	3.403.000	1.701.500				
52	TT GDTX tỉnh	9.765.000	4.882.500	4.590.000	2.841.750	6.630.750	660.000
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	4.993.000	2.496.500	2.350.000	1.453.950	3.392.550	340.000
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	5.793.812	2.896.906	2.720.000	1.685.072	3.931.834	390.000
55	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	-	-	-			
56	Công ty CP sách & TBTH	-	-	-			
Cộng		310.731.061	155.365.531	132.510.000	82.044.482	191.437.125	19.150.000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP ỦY NHIỆM CHI KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 3)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ lần 1/năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Cấp lần 3		Tổng
			Tiếp tục cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017	
1	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	13.501.000
2	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	6.708.000
3	Trường THPT Lương Sơn	1.001.000		4.050.000	330.000	4.120.000		2.120.000	11.621.000
4	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	8.569.000
5	Trường THPT Lạc Thủy B			5.220.000				5.500.000	10.720.000
6	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000				3.950.000	10.451.000
7	Trường THPT Mai Châu	3.321.000		4.280.000		2.360.000		4.410.000	14.371.000
8	Trường THPT Yên Thủy A	7.435.000		0.000		6.500.000		6.500.000	20.435.000
9	Trường THPT Yên Thủy B	2.658.000		5.070.000				3.400.000	11.128.000
10	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000		2.400.000	13.130.000
11	Trường THPT Kim Bôi							11.500.000	11.500.000
12	Trường THPT Sào Báy	704.000			160.000	4.940.000		3.370.000	9.174.000
13	Trường THPT Bắc Sơn	1.164.000	490.000	3.090.000				2.040.000	6.784.000
14	Trường THPT Đoàn Kết			4.350.000				2.930.000	7.280.000
15	Trường THPT Tân Lạc	925.000		6.080.000		2.270.000		2.020.000	11.295.000
16	Trường THPT Mường Bi		710.000	6.620.000				3.250.000	10.580.000
17	Trường THPT Lũng Vân	2.012.000						2.030.000	4.042.000
18	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000		3.140.000	20.623.000
19	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000		5.080.000	28.814.000
20	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000		2.230.000	10.194.000
21	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000				2.740.000	13.629.000

22	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình			14.820.000		5.530.000		5.070.000	25.420.000
23	TT GDTX tỉnh			290.000	5.700.000			3.930.000	9.920.000
24	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	469.000	650.000	3.010.000				2.010.000	6.139.000
25	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	7.791.000				7.160.000		2.330.000	17.281.000
	Cộng	53.619.000	4.220.000	115.760.000	490.000	50.540.000	0.000	88.680.000	313.309.000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 31 tháng 5 năm 2017

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CỘNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 3)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ lần 1/năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Cấp lần 3		Tổng
			Tiếp tục cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch)	Cấp lần 1 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch)	Cấp lần 2 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017	
1	Trường THPT Cộng Hòa			5.600.000					5.600.000
2	Trường THPT Đại Đồng			5.340.000			460.000	5.350.000	11.150.000
3	Trường THPT Quyết Thắng	730.000		3.870.000		3.960.000			8.560.000
4	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	13.501.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn		4.700.000			3.540.000			8.240.000
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	318.000		3.920.000					4.238.000
7	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	6.708.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	588.000		4.110.000				2.640.000	7.338.000
9	Trường THPT Cao Phong	858.000		3.690.000		4.130.000			8.678.000
10	Trường THPT Kỳ Sơn			5.230.000		5.230.000			10.460.000
11	Trường THPT Phú Cường			3.230.000		2.220.000			5.450.000
12	Trường THPT Lương Sơn	1.001.000		4.050.000	330.000	4.120.000		2.120.000	11.621.000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	791.000		5.230.000		5.230.000			11.251.000
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	8.569.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan			7.560.000		7.560.000			15.120.000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy			3.100.000		3.080.000			6.180.000
17	Trường THPT Lạc Thủy B			5.220.000					10.720.000
18	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000					10.451.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	1.442.000		2.480.000					8.042.000
20	Trường THPT Mai Châu	3.321.000		4.280.000		2.360.000		4.410.000	14.371.000
21	Trường THPT Mai Châu B	473.000		2.070.000		2.160.000			4.703.000
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	1.682.000		3.590.000					5.272.000
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu				400.000	2.670.000		3.120.000	6.190.000
24	Trường THPT Yên Thủy C	74.000		3.890.000					3.964.000
25	Trường THPT Yên Thủy A	7.435.000		0.000		6.500.000		6.500.000	20.435.000
26	Trường THPT Yên Thủy B	2.658.000		5.070.000				3.400.000	11.128.000

27	Trường THPT Thanh Hà		4.830.000					4.830.000
28	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	3.038.000		0.000			2.890.000	5.928.000
29	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000	2.400.000	13.130.000
30	Trường THPT Kim Bôi						11.500.000	11.500.000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	2.094.000		2.340.000			3.590.000	8.024.000
32	Trường THPT Sào Báy	704.000			160.000	4.940.000	3.370.000	9.174.000
33	Trường THPT Bắc Sơn	1.164.000	490.000	3.090.000			2.040.000	6.784.000
34	Trường THPT Mường Chiềng	435.000		1.890.000			2.970.000	5.295.000
35	Trường THPT Yên Hoà	338.000		720.000				1.058.000
36	Trường THPT Đà Bắc	683.000		3.100.000		3.080.000		6.863.000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc			2.220.000				2.220.000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	5.285.000		3.180.000				8.465.000
39	Trường THPT Đoàn Kết			4.350.000			2.930.000	7.280.000
40	Trường THPT Tân Lạc	925.000		6.080.000		2.270.000	2.020.000	11.295.000
41	Trường THPT Mường Bi		710.000	6.620.000			3.250.000	10.580.000
42	Trường THPT Lũng Vân	2.012.000					2.030.000	4.042.000
43	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	6.113.000				5.350.000		11.463.000
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000	3.140.000	20.623.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000	5.080.000	28.814.000
46	Trường THPT Công nghiệp	1.388.000		7.800.000		5.990.000		15.178.000
47	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000	2.230.000	10.194.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000			2.740.000	13.629.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình			14.820.000		5.530.000	5.070.000	25.420.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật					7.560.000		7.560.000
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.179.000		2.150.000				3.329.000
52	TT GD TX tỉnh		290.000	5.700.000			3.930.000	9.920.000
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hường nghiệp	469.000	650.000	3.010.000			2.010.000	6.139.000
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	7.791.000				7.160.000	2.330.000	17.281.000
55	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		390.000	1.310.000				1.700.000
56	Công ty CP sách & TBTH							0.000
	Cộng	81.128.000	9.310.000	208.210.000	890.000	112.390.000	460.000	525.658.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 31 tháng 5 năm 2017
TM. BAN THƯỜNG VỤ
CÔNG CHỨC TỊCH
GIÁO DỤC
Hà Đức Hạnh